

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CƠ CHẾ BẢO ĐẢM QUYỀN GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

ThS. TRỊNH NHƯ QUỲNH⁽¹⁾

Tóm tắt: Quyền giáo dục là đặc quyền tự nhiên vốn có của con người, được ghi nhận trong pháp luật quốc tế và quốc gia, được nhà nước bảo đảm tiếp cận kiến thức, kỹ năng dưới nhiều hình thức khác nhau; hướng vào sự phát triển đầy đủ về nhân cách và nhân phẩm. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, do vậy luôn quan tâm đầu tư, tạo cơ chế bảo đảm quyền giáo dục. Cơ chế bảo đảm quyền giáo dục ở Việt Nam là vấn đề rất rộng, trong phạm vi bài viết chỉ tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về cơ chế bảo đảm quyền giáo dục ở Việt Nam.

Từ khóa: quyền giáo dục; quyền con người; Việt Nam

1 Khái niệm cơ chế bảo đảm quyền giáo dục ở Việt Nam

● Quyền con người, trong đó có quyền giáo dục, là quyền vốn có, tự nhiên, không ai ban phát, nhưng chưa có tính khả thi mà cần có yếu tố thiết định, đó là cơ chế pháp lý do các chủ thể có thẩm quyền ghi nhận các quyền này. Quyền giáo dục khi trở thành đối tượng điều chỉnh của pháp luật, được pháp luật chấp nhận, tổ chức, bắt buộc thi hành hoặc

xử lý vi phạm thì mới có thể áp dụng. Do đó, có thể nói, không có pháp luật thì không có quyền con người nói chung và quyền giáo dục nói riêng. Vì thế, quyền giáo dục sẽ luôn đi liền với nghĩa vụ - trách nhiệm tôn trọng bảo vệ của mọi chủ thể. Có như vậy, con người mới có thể được hưởng thụ quyền giáo dục trên thực tế.

Quyền giáo dục là giá trị xã hội được thừa nhận và thể chế hóa trong các văn bản pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, do đặc thù về điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội từng quốc gia, nên thực tế bảo đảm và thực hiện quyền giáo dục vẫn còn khoảng cách nhất

⁽¹⁾ Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

định so với quyền được ghi nhận trong pháp luật. Vì vậy, để tiến tới công bằng xã hội, bảo đảm cho mọi cá nhân trong xã hội được hưởng thụ đầy đủ quyền con người, cần có cơ chế bảo đảm quyền giáo dục.

Tiếp cận dưới góc độ quyền con người, cơ chế bảo đảm quyền con người được hiểu là tổng thể các hình thức, phương tiện và phương pháp pháp lý có mối liên hệ chặt chẽ với nhau tạo thành thể thống nhất, nhằm tổ chức thực hiện các quyền con người được ghi nhận trong hiến pháp và pháp luật vào thực tiễn cuộc sống⁽¹⁾.

Điều 13, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 (ICESCR) đã yêu cầu các quốc gia thành viên thừa nhận vai trò của quyền giáo dục trong quá trình hoàn thiện và phát triển con người xã hội; xác định trách nhiệm của quốc gia phải bảo đảm quyền giáo dục bằng những biện pháp cụ thể, như: phổ cập giáo dục tiểu học; từng bước áp dụng giáo dục miễn phí, bình đẳng và sẵn có cho mọi người; khuyến khích hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học cho mọi người; phát triển hệ thống trường học ở tất cả các cấp cùng với chế độ học bổng và tăng cường điều kiện vật chất cho giáo viên; cam kết tôn trọng quyền tự do lựa chọn trường học bảo đảm tiêu chuẩn của cha mẹ và người giám hộ hợp pháp cho con cái họ. Các quốc gia bảo đảm cá nhân, tổ chức được tự do thành lập, điều hành các cơ sở giáo dục với điều kiện tuân thủ các nguyên tắc trên và đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu mà nhà nước quy định. Các quốc gia thành viên chưa thể bảo đảm ngay mục tiêu phổ cập, miễn phí giáo dục tiểu học cam kết sẽ lập kế hoạch chi tiết để triển khai trong vòng hai năm và từng bước thực hiện kế hoạch đó.

Điều 14, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

Từ sự phân tích trên, có thể hiểu: *Cơ chế bảo đảm quyền giáo dục là các tiền đề, điều*

kiện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp lý và cách thức tổ chức thực hiện để công dân được thụ hưởng, tiếp cận quyền giáo dục. Các tiền đề, điều kiện này được cộng đồng quốc tế, nhà nước và xã hội tạo ra dưới dạng các thể chế và thiết chế được thực hiện ở cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc gia.

Dựa vào phạm vi và cấp độ tác động, cơ chế bảo đảm quyền giáo dục được chia thành ba loại: cơ chế quốc tế, cơ chế khu vực và cơ chế quốc gia. Việc phân loại theo tiêu chí này bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật quốc gia, khu vực và quốc tế; từ đó giảm thiểu tình trạng xung đột pháp luật trong giải quyết những vấn đề về quyền con người nói chung và quyền giáo dục nói riêng; giúp các chủ thể xác định rõ ràng trách nhiệm của mình trong soạn thảo, ban hành và áp dụng các văn bản pháp luật, tìm kiếm, thúc đẩy các biện pháp bảo đảm quyền giáo dục ở mọi cấp độ.

Dựa vào tính chất và chủ thể ban hành, cơ chế bảo đảm quyền giáo dục được phân loại thành: thể chế bảo đảm và thiết chế bảo đảm. Trong đó, thể chế bảo đảm được hiểu là các quy định pháp luật được ban hành theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục nhất định có tính bắt buộc đối với các chủ thể; còn thiết chế bảo đảm là hệ thống các cơ quan, tổ chức được lập ra để thực thi những chức năng, nhiệm vụ nhất định ở từng mức độ toàn cầu, khu vực và quốc gia.

2. Các thiết chế bảo đảm quyền giáo dục ở Việt Nam

Một là, cộng đồng quốc tế đã xây dựng các thiết chế mang tính toàn cầu và khu vực với mục tiêu hoạt động nhằm bảo đảm quyền giáo dục ở nhiều cấp độ, như Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), Chương trình Đánh giá học sinh quốc tế (PISA), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB); Học bổng ASEAN, Mạng lưới đại học ASEAN (AUN), Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC),

Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO), Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF) và các quỹ hỗ trợ của nhiều trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế khác.

Hoạt động bảo đảm quyền giáo dục của các tổ chức này tại Việt Nam thường diễn ra dưới hình thức hỗ trợ các dự án phát triển, cung cấp chuyên gia và các khoản hỗ trợ tài chính cho cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục. Đồng thời, các tổ chức cũng hoạt động tích cực trong việc tìm kiếm và trao các suất học bổng cho học sinh, sinh viên, học viên các cấp học; tham gia vào quá trình đánh giá khách quan về mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn giáo dục quốc tế của những cơ sở giáo dục tại Việt Nam.

Hai là, mục tiêu bảo đảm quyền giáo dục và phát triển giáo dục tại Việt Nam là mục tiêu chung của toàn xã hội. Đây là nội dung quan trọng của chương trình phát triển quốc gia, phát triển giáo dục, được Nhà nước quan tâm tạo điều kiện về cơ chế, cũng như thiết chế bảo đảm quyền giáo dục.

Các thiết chế bảo đảm quyền giáo dục tại Việt Nam khá đa dạng với nhiều cấp độ khác nhau. Hệ thống thiết chế có chức năng bảo đảm quyền giáo dục gồm có:

- Các thiết chế có chức năng bảo đảm chung

Thứ nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng và ban hành các văn kiện thể hiện quan điểm, chủ trương có tính định hướng đề khẳng định vai trò của quyền giáo dục trong quá trình phát triển xã hội; chỉ đạo, lãnh đạo Nhà nước và xã hội bảo đảm quyền giáo dục của mỗi người; bồi dưỡng và giới thiệu những đảng viên ưu tú, có năng lực và phẩm chất chính trị tham gia lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ bảo đảm quyền giáo dục; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền giáo dục của tổ chức đảng và đảng viên tại nhiều cấp, ngành, địa phương.

Thứ hai, Nhà nước là cơ quan trực tiếp thực hiện chức năng quản lý về mọi mặt đời sống xã hội. Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình thể chế hóa các quan điểm của Đảng và triển khai thực hiện trên

thực tế những nội dung của quyền giáo dục. Chức năng này thể hiện thông qua hoạt động của Chủ tịch nước cùng với ba nhóm cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Cơ quan lập pháp xây dựng và hoàn thiện các quy phạm pháp luật về quyền giáo dục; cùng với đó là hoạt động nội luật hóa các công ước và các tiêu chuẩn quốc tế về quyền giáo dục. Trong quá trình xây dựng và thể chế hóa các tiêu chuẩn này, Nhà nước vừa là chủ thể trao quyền, vừa là chủ thể chỉ đạo, giám sát quá trình lập pháp nhằm bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc bình đẳng trong tiếp cận và thụ hưởng quyền giáo dục của mọi chủ thể trong xã hội. Bên cạnh đó, phải có cơ chế, chính sách bảo đảm thực hiện các nội dung của quyền giáo dục trên thực tế. Nhà nước thông qua hoạt động của các cơ quan hành pháp cũng là chủ thể duy nhất có quyền can thiệp, xử lý những hành vi vi phạm quyền giáo dục của mọi chủ thể trong phạm vi quốc gia; hiện thực hóa các quy định pháp luật bảo đảm quyền giáo dục bằng các hoạt động của những cơ quan cụ thể, các chương trình, kế hoạch, bảo đảm các nguồn lực về con người, kinh tế, chính sách...

Nhà nước bảo vệ quyền giáo dục của người dân khỏi những tranh chấp và xâm phạm thông qua hoạt động cụ thể của các cơ quan tư pháp, như thông qua chức năng tài phán và tố tụng của Tòa án nhân dân; chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện Kiểm sát nhân dân; thông qua các hình thức pháp lý hành chính - hoạt động xử lý vi phạm hành chính về giáo dục và thông qua hoạt động của các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tự quản trong các đơn vị hành chính.

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục tại Việt Nam được xây dựng chặt chẽ, nhiều tầng bậc từ Trung ương đến địa phương. Ở cấp Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục. Các bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo thẩm quyền và ngành, lĩnh vực.

Thứ ba, chính quyền địa phương, gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Hội đồng nhân dân các cấp bảo vệ, bảo đảm quyền giáo dục thông qua hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các bộ luật có liên quan đến quyền giáo dục. Trong đó có trách nhiệm tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về quyền giáo dục ở địa phương.

Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo phân cấp của Chính phủ, bao gồm quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục của các cơ sở giáo dục trên địa bàn; có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học của các trường công lập thuộc phạm vi quản lý; phát triển các loại hình trường, thực hiện xã hội hóa giáo dục; bảo đảm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục tại địa phương.

- Các thiết chế khác (thiết chế xã hội)

Với sự phát triển của quá trình nhận thức xã hội và ý thức dân chủ xã hội, các thiết chế xã hội ngày càng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người nói chung và quyền giáo dục nói riêng. Sự phát triển cả về nhận thức và hành động này trở thành áp lực buộc các nhà nước phải ghi nhận và bảo đảm vai trò giám sát việc thực hiện quyền giáo dục của các thiết chế khác (thiết chế xã hội).

Một là, ở Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đã thể hiện được vai trò của mình trong việc bảo đảm quyền giáo dục. Ngoài hoạt động tham gia xây dựng các văn bản pháp luật, phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện pháp luật có liên quan đến giáo dục và bảo đảm quyền giáo dục, các tổ chức chính trị - xã hội còn tạo ra dư luận xã hội buộc các cơ quan nhà nước phải vào cuộc trong các vụ việc xâm hại đến quyền giáo dục của các chủ thể. Đặc biệt, hiện nay, các tổ chức xã hội tự quản khác ở địa phương

cũng đang phát huy vai trò của mình trong bảo đảm bình đẳng về thụ hưởng giáo dục ở địa phương, như Hội Khuyến học.

Hai là, các tổ chức hội có tính chất đặc thù, tổ chức có vai trò nhất định trong bảo đảm quyền giáo dục, trước hết là bảo vệ quyền giáo dục của các hội viên trong tổ chức; tham gia đóng góp xây dựng pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật, kiến nghị với cơ quan nhà nước những vấn đề về xây dựng và thi hành pháp luật về quyền giáo dục; tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật về quyền giáo dục cho hội viên, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; tham gia một số hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục theo quy định của pháp luật; phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của các cơ quan nhà nước. Cụ thể: Hội luật gia Việt Nam có nhiệm vụ tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, cử người tham gia hoạt động bảo chữa theo quy định của pháp luật.

Ba là, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tiêu biểu là Liên đoàn Luật sư Việt Nam có vai trò, trách nhiệm hướng dẫn và giám sát thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý của luật sư liên quan đến bảo vệ quyền giáo dục của mọi người.

Bốn là, thiết chế truyền thông, báo chí, đóng vai trò phản ánh và định hướng dư luận xã hội, làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân; là cơ sở thực hiện quyền được tiếp cận thông tin của con người, của nhân dân liên quan đến chính sách pháp luật về quyền giáo dục; phát hiện, phê phán những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quyền giáo dục, nêu tấm gương về người tốt, việc tốt trong đội ngũ cán bộ, công chức trong bảo vệ, đấu tranh về quyền giáo dục.

3. Các thiết chế bảo đảm quyền giáo dục ở Việt Nam

Nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế về quyền giáo dục trong pháp luật Việt Nam

Là quốc gia thành viên của nhiều công ước quốc tế về quyền con người, trong đó có quyền giáo dục, Việt Nam xác định rõ ràng nghĩa vụ chuyển hóa điều ước quốc tế về quyền giáo dục

vào pháp luật quốc gia. Đây là nghĩa vụ bắt buộc cơ bản đối với mỗi quốc gia thành viên công ước.

Theo xu hướng quốc tế hiện nay, có hai hình thức chuyển hóa nội dung các công ước quốc tế về quyền giáo dục vào pháp luật các quốc gia. *Một là*, trực tiếp áp dụng, coi công ước quốc tế mà nước đó tham gia là một bộ phận trực tiếp của pháp luật quốc gia. *Hai là*, gián tiếp áp dụng thông qua việc chuyển hóa nội dung của các quy phạm pháp luật quốc tế vào pháp luật quốc gia (nội luật hóa).

Phương thức chuyển hóa có thể rất khác nhau giữa các quốc gia và ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố có liên quan đến lịch sử, chính trị và văn hóa pháp lý của quốc gia, đồng thời phụ thuộc đáng kể vào sự tiếp cận chung mà mỗi quốc gia đã tiến hành để chuyển hóa điều ước vào luật trong nước⁽⁵⁾.

Các quốc gia trên thế giới và Việt Nam đều xác định rất rõ vai trò của quyền giáo dục trong quá trình phát triển. Vì vậy, nội dung quyền giáo dục được quy định không chỉ ở Hiến pháp mà còn ở những văn bản quy phạm pháp luật và văn bản dưới luật. Song, do chênh lệch về phát triển giữa những nhóm quốc gia mà quá trình quy định - áp dụng các quy phạm pháp luật về quyền giáo dục còn chưa đồng đều. Tình trạng phổ biến là những quốc gia đã phát triển (các nước công nghiệp hay các nước có nền kinh tế phát triển như cách gọi của Quỹ Tiền tệ quốc tế)⁽⁶⁾ có những quy định pháp luật quốc gia bảo đảm quyền giáo dục chặt chẽ và hiệu quả. Đối với các nước đang phát triển và kém phát triển, do hạn chế về kinh tế - xã hội nên các điều kiện bảo đảm quyền giáo dục còn chưa được hoàn thiện.

Tình trạng chênh lệch trên làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa các quốc gia, khu vực; tạo nên sự bất bình đẳng trong tiếp cận và hưởng thụ quyền giáo dục của người dân các quốc gia và cản trở quá trình phát triển chung của nhân loại. Để hạn chế tình trạng này, Liên hợp quốc với tư cách là tổ chức quốc tế lớn nhất, có vai trò kết nối và duy trì hòa bình,

ổn định và phát triển của ngôi nhà chung toàn cầu, đã xây dựng những chuẩn mực quốc tế về quyền con người nói chung và quyền giáo dục nói riêng.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, quyền giáo dục đã được đề cập trong *Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người* năm 1948 tại Điều 26 với ba nội dung: (1) Quyền được hưởng giáo dục, đặc biệt là giáo dục miễn phí ở bậc tiểu học và giáo dục cơ sở, phổ cập giáo dục kỹ thuật và dạy nghề, công bằng trong giáo dục đại học; (2) Nội dung giáo dục phải hướng đến sự phát triển toàn diện của con người, tôn trọng quyền con người, tăng cường sự hiểu biết giữa các dân tộc - chủng tộc - tôn giáo, duy trì và ổn định hòa bình nhân loại và (3) Là quyền của cha mẹ được ưu tiên lựa chọn các hình thức giáo dục cho con cái họ.

Công ước về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (CESCR) năm 1966 tiếp tục tái khẳng định quy định quyền giáo dục trong *Tuyên ngôn* chứa đựng cả các quyền và tự do, bao gồm: Miễn phí và phổ cập giáo dục tiểu học với tất cả mọi người; có thể tiếp cận và sẵn có về giáo dục trung học (bao gồm cả giáo dục kỹ thuật, dạy nghề và đào tạo); có thể tiếp cận với giáo dục ở cấp cao hơn một cách bình đẳng và từng bước miễn phí; giáo dục cơ bản cho những người chưa tiếp cận hoặc chưa hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học; giáo dục có chất lượng ở cả trường công lập và tư thục; quyền tự do của cha mẹ và những người giám hộ hợp pháp (nếu có) trong việc lựa chọn trường cho con cái họ phù hợp với tôn giáo, đạo đức và mong muốn của họ; tự do học thuật của giáo viên và người học; tự do của cá nhân, tổ chức được thành lập và điều hành các cơ sở giáo dục phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn tối thiểu mà nhà nước quy định.

Các điều ước quốc tế khác cũng quy định quyền giáo dục của những nhóm người đặc biệt phụ nữ, người khuyết tật, người di cư, người tị nạn, người bản địa: (1) trong những hoàn cảnh cụ thể (xung đột vũ trang, sử dụng lao động trẻ em...); (2) Nội dung của quyền giáo dục được giải thích bởi các Tòa án (trong trường hợp các

văn kiện khu vực) hoặc bởi các cơ quan điều ước của Liên hợp quốc.

Những quy định liên quan đến quyền giáo dục trong các công ước, như: Điều 10 Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) năm 1979; Điều 24 Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006; Điều 28 và 29 Công ước về quyền trẻ em (CRC) năm 1989; các quy định trong Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả lao động di cư và thành viên trong gia đình họ năm 1990; Công ước về bảo vệ những người bị cưỡng bức mất tích năm 2006; Công ước quốc tế về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965; Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hoặc hạ nhục con người năm 1984; các công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)...

- Chuẩn mực pháp luật Việt Nam bảo đảm quyền giáo dục

Thứ nhất, là công cụ quản lý hiệu quả đời sống xã hội, pháp luật xác định các chuẩn mực xử sự phù hợp với ý chí của Nhà nước, bảo đảm cho những nguyên tắc mà Nhà nước đặt ra được thực hiện trên thực tế. Trong quá trình phát triển, Nhà nước Việt Nam luôn bảo đảm quyền giáo dục bằng những chuẩn mực pháp luật ở nhiều cấp độ.

Thực hiện việc chuyển hóa và áp dụng trực tiếp các chuẩn mực quốc tế về quyền con người vào hệ thống pháp luật quốc gia, Luật Điều ước quốc tế năm 2016 của Việt Nam đã xác định hiệu lực ưu tiên áp dụng của điều ước quốc tế so với các văn bản pháp luật Việt Nam. Cụ thể: trong trường hợp xung đột pháp luật diễn ra, nội dung của điều ước quốc tế sẽ được áp dụng cho dù mâu thuẫn với quy định tương ứng của pháp luật Việt Nam, trừ Hiến pháp. Tuy nhiên, do bảo đảm quyền giáo dục là mục tiêu chung của nhân loại, nên trên thực tế không tồn tại nhiều trường hợp xung đột pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền giáo dục.

Thứ hai, ở Việt Nam quyền giáo dục là quyền hiến định. Lịch sử lập hiến Việt Nam đã

minh chứng ngay từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946, quyền giáo dục đã được ghi nhận, đồng thời được kế thừa, phát triển trong các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, 2013.

So với các bản Hiến pháp trước đây, Hiến pháp năm 2013 là bước tiến vượt bậc trong việc bảo vệ các quyền con người và quyền công dân, trong đó có quyền giáo dục. Cụ thể:

Quy định về quyền giáo dục trong Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa những quy định trong Hiến pháp năm 1992, nhưng được phát triển theo hướng hoàn thiện hơn, thể hiện tổng quát, phản ánh những quan điểm, định hướng của Đảng về phát triển văn hóa, giáo dục. Vai trò của quyền giáo dục được khẳng định: “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập” (Điều 39); “Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục vùng miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hóa và học nghề” (Điều 61). Đây là cơ sở hiến định, bảo đảm về mặt chính trị - pháp lý để phát triển nền giáo dục quốc dân.

Thứ ba, quyền giáo dục trong các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam. Quyền giáo dục được cụ thể hóa trong các luật, như Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, Luật Giáo dục năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Dạy nghề năm 2006, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)... Để Luật Giáo dục được thực hiện có hiệu quả, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành, như Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, ngày 24/3/2014 của Chính phủ về *việc phổ cập giáo dục, xóa mù chữ*; Nghị định số 48/2015/NĐ-CP, ngày 15/5/2015 của Chính phủ *quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp*; Nghị định số 73/2015/NĐ-CP, ngày 08/9/2015 của Chính phủ *quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học*; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015

(xem tiếp trang 87)